

Số: 25 /NQ-HĐND

An Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về việc tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ
của ngân sách tỉnh An Giang năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 674/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2018, như sau:

1. Tổng mức vay năm 2018 của ngân sách tỉnh:

a) Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2018 là 5.072.600 triệu đồng.

b) Chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2018 là 8.564.788 triệu đồng.

c) Tổng mức vay của ngân sách tỉnh: Số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, nhỏ hơn chi thường xuyên ngân sách địa phương; theo đó tổng mức vay của ngân sách tỉnh bằng 20% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 1.014.520 triệu đồng ($5.072.600 \times 20\%$).

2. Kế hoạch vay năm 2018 của tỉnh theo nguồn vay trong nước, vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ và mục đích sử dụng:

Tổng mức vay trong năm là 69.200 triệu đồng: Đây là khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, mức vay theo thông báo của Bộ Tài chính và Hiệp định đã ký kết với nhà tài trợ nước ngoài để đầu tư các dự án (*chi tiết theo Phụ lục 01 và 02 đính kèm*).

Trong quá trình thực hiện, trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn ODA của các dự án, Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong tổng mức vay, điều chỉnh tăng giảm giữa các dự án và báo cáo Hội

đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại khoản 6 Điều 75 của Luật đầu tư công.

3. Kế hoạch trả nợ vay của tỉnh năm 2018 theo nguồn vay trong nước, vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ:

a) Đối với khoản vay trong nước: Tổng mức phải trả là 162.700 triệu đồng, nguồn trả nợ:

- Sử dụng khoản bội thu ngân sách địa phương là 93.500 triệu đồng để trả nợ, tương ứng với số giảm chi nguồn vốn đầu tư tập trung.

- Thu nợ vay Chương trình tôn nền cụm tuyến dân cư vượt lũ (nguồn thu tiền sử dụng đất) là 69.200 triệu đồng.

b) Đối với khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ: Do mới phát sinh vay từ năm 2018 nên chưa phát sinh trả nợ.

4. Dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 437.500 triệu đồng, so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương đạt tỷ lệ 43,12% ($437.500/1.014.520$ triệu đồng).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ công tác Quốc hội, địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm Toán nhà nước Khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang, Báo AG; Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, Phòng Tổng hợp.



CHỦ TỊCH

Cee
Võ Anh Kiệt



BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH TỈNH AN GIANG NĂM 2018
(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị: Triệu đồng.

Stt	Nội dung	Ước thực hiện năm 2017	Dự toán năm 2018	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
A	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (được hưởng theo phân cấp)	5.215.000	5.072.600	-142.400
B	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.817.258	11.194.369	377.111
C	BỘI CHI NSDP, BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11.320	93.500	82.180
D	HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO QUY ĐỊNH	1.043.000	1.014.520	-28.480
E	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC			
I	Tổng dư nợ đầu năm	705.970	531.000	-174.970
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)	67,69%	52,34%	-15,35%
1	Phát hành Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			
3	Vay trong nước (Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam (1))	705.970	531.000	-174.970
-	Vay thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương và đường giao thông nông thôn	314.323	189.973	-124.350
-	Vay đầu tư cụm tuyến DCVL đồng bằng sông Cửu Long	391.647	341.027	-50.620
		174.970	162.700	-12.270
II	Trả nợ gốc vay trong năm			
1	Theo nguồn vốn vay			
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			
-	Vay trong nước (Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam (1))	174.970	162.700	-12.270
+	Vay thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương và đường giao thông nông thôn	124.350	91.450	-32.900
+	Vay đầu tư cụm tuyến DCVL đồng bằng sông Cửu Long	50.620	71.250	20.630
		174.970	162.700	-12.270
2	Theo nguồn trả nợ (từ nguồn NSDP)			
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			
-	Bội thu ngân sách địa phương	11.320	93.500	82.180
-	Tăng thu tiết kiệm chi			
-	Chương trình KCHKM và đường giao thông nông thôn, làng nghề ...	124.350	0	-124.350
+	NS tỉnh ghi trả nợ Chương trình KCHKM và đường giao thông nông thôn	76.711		-76.711
+	Thu nợ NS huyện trả nợ chương trình KCHKM và đường giao thông nông thôn	47.639		-47.639
-	Thu nợ bán nền chương trình cụm tuyến DCVL	39.300	69.200	29.900
		0	69.200	69.200
III	TỔNG MỨC VAY TRONG NĂM	0	69.200	69.200
1	Theo mục đích vay			
-	Vay để bù đắp bội chi		69.200	69.200
-	Vay để trả nợ gốc			
		0	69.200	69.200
2	Theo nguồn vay			
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		69.200	69.200
-	Vay trong nước (Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam (1))			
	Vay thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương và đường giao thông nông thôn			
	Vay đầu tư cụm tuyến DCVL đồng bằng sông Cửu Long			
		531.000	437.500	-93.500
IV	Tổng dư nợ cuối năm	50,91%	43,12%	-7,79%
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)			
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	0	69.200	69.200
3	Vay trong nước (Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam (1))	531.000	368.300	-162.700
	Vay thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương và đường giao thông nông thôn	189.973	98.523	-91.450
	Vay đầu tư cụm tuyến DCVL đồng bằng sông Cửu Long	341.027	269.777	-71.250
		0	1.100	1.100
G	TRẢ NỢ LÃI, PHÍ			
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	0	1.100	1.100
3	Vay trong nước (Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam (1))			

Ghi chú: (1) Bao gồm khoản vay thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, CSHT nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn và khoản vay đầu tư tôn nền vượt lũ để xây dựng cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ sâu ĐBSCL.

**KẾ HOẠCH VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2018**

(Kèm theo Nghị quyết số: 25 /NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị: Triệu đồng.

St t	Tên dự án/ Chương trình/ Hiệp định vay	Chủ dự án	Quyết định	Tổng mức đầu tư			Tên nhà tài trợ	Giá trị hiệp định vay		Cơ chế tài chính				Lũy kế giải ngân dự kiến đến ngày 31/10/ 2017	Tổng vốn dự kiến vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ 2017- 2022	Năm 2017		Dự kiến năm 2018	
				Tổng số	Trong đó			Số tiền	Loại tiền	NSTW cấp phát	Địa phương vay lại	Lãi và phí địa phương phải trả cho khoản vay lại				Kế hoạch	TH 2017	Kế hoạch vay lại	Lãi và phí phải trả
					Vốn đối ứng	Vay ưu đãi vốn ODA						Lãi suất vay	Phí thu xếp vốn						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=19* 13*14
	TỔNG CỘNG			2.397.019	599.450	1.797.569				1.173.127	624.442				624.442	9.880	0	69.200	1.100
1	Trang thiết bị Bệnh viện đa khoa Châu Đốc	BVĐK KVT	1858/QĐ- UBND ngày 07/7/2016	323.714	65.572	258.142	Ku Wait	11,55	Triệu USD	232.328	25.814	2%			25.814	8.000	-	25.814	314
2	Dự án tăng cường quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	Sở TNMT	2467/QĐ- UBND ngày 6/9/2016	134.468	21.222	113.246	WB	5,16	Triệu USD	79.272	33.974	2%			33.974	1.880	-	1.880	23
3	Dự án Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cửu Long, huyện An Phú	Sở NNPTNT	2841/QĐ- UBND ngày 26/9/2017	651.515	137.334	514.181	WB	29,24	Triệu USD	359.927	154.254	2%			154.254			25.714	313
4	Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam_tiểu dự án TP. Long Xuyên	UBND TP.LX	952/QĐ- UBND 28/3/2017	1.287.322	375.322	912.000	WB	40,00	Triệu USD	501.600	410.400	4,5%	0,25%		410.400			15.792	450